TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 10 năm 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Gạt
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Thanh Long – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Ông Trần Sỹ V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 1, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Vương Thị Hồng T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 1, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Sỹ V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vương Thị Hồng T xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại thôn P, xã

H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, bà T không tôn trọng ông và còn xúc phạm ông. Hiện tại vợ chồng ông đã sống ly thân gần 02 năm. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Vương Thị Hồng T.

Về quan hệ con chung: Ông V xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Sỹ C – sinh ngày 15/7/2002 và Trần Thùy D – sinh ngày 7/11/2007, ly hôn ông đồng ý giao 02 con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu và nguyện vọng của 02 con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Vương Thị Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Vương Thị Hồng T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Trần Sỹ V về thời gian, địa điểm kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai người không hợp nhau, ông V thường xuyên đi làm xa nhà dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, bà cũng thường chất vấn ông V về vấn đề tiền bạc, nói xúc phạm ông V khiến ông V ít khi về nhà và khoảng 2 năm nay ông V không về nhà, vợ chồng không qua lại với nhau và đã sống ly thân, cuộc sống không có hạnh phúc. Nay ông V yêu cầu ly hôn, theo bản khai bà nộp cho Tòa án thì bà đồng ý ly hôn nhưng quá trình Tòa án tiến hành hòa giải thì bà thay đổi ý kiến và không đồng ý ly hôn vì bà cho rằng không muốn ảnh hưởng đến các con, bà đề nghị kéo dài thời gian để hai bên gia đình hòa giải.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung như ông V trình bày. Nếu ly hôn, bà yêu cầu nuôi cả 02 con Trần Sỹ C – sinh ngày 15/7/2002 và Trần Thùy D – sinh ngày 7/11/2007 và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng mà ông V đã nêu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 02 CMND và hộ khẩu (bản photo chứng thực); 02 Giấy khai sinh của con (bản sao); Biên bản xác minh ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng (bản photo); Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng (bản

chính); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh tại địa phương; Bản tự khai của các con.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Sỹ V; về quan hệ hôn nhân, xử cho ông V được ly hôn bà Vương Thị Hồng T; về con chung, xử giao 02 con Trần Sỹ C – sinh ngày 15/7/2002 và Trần Thùy D – sinh ngày 7/11/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng. Án phí dân sự sơ thẩm ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn bà Vương Thị Hồng T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Trần Sỹ V và bà Vương Thị Hồng T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông V và bà T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, ông V thường xuyên đi làm xa nhà dẫn đến vợ chồng luôn cãi nhau, bà T cũng thường chất vấn ông V về vấn đề tiền bạc, nói xúc phạm ông V khiến ông V ít khi về nhà và khoảng 2 năm nay ông V không về nhà, vợ chồng không qua lại với nhau và đã sống ly thân, cuộc sống không có hạnh phúc. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện ông V và bà T không còn sống chung với nhau hơn 02 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Sỹ V và xử cho ông V được ly hôn bà Vương Thị Hồng T.

[3] Về con chung: Ông V, bà T xác định ông bà có 02 con chung tên là Trần Sỹ C – sinh ngày 15/7/2002 và Trần Thùy D – sinh ngày 7/11/2007. Quá trình giải quyết vụ án, ông V và bà T thống nhất giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng. Xét thấy, 02 con đang sống cùng bà T và có nguyện vọng ở với mẹ, do đó HĐXX giao con Trần Sỹ C và Trần Thùy D cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các con và buộc ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, cả hai xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con ông Trần Sỹ V phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Trần Sỹ V phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Sỹ V đối với bà Vương Thị Hồng T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Sỹ V được ly hôn bà Vương Thị Hồng T.

Về con chung: Giao 02 con tên Trần Sỹ C – sinh ngày 15/7/2002 và Trần Thùy D – sinh ngày 7/11/2007 cho bà Vương Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng,

ông Trần Sỹ V cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Sỹ V đều phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông V đã nộp tại biên lai thu số 6483 ngày 11/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông V còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Án xử công khai, báo cho ông Trần Sỹ V biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04.10.2018. Riêng bà Vương Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương